

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2024/HC-PT

Ngày: 24/01/2024

V/v: *Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyền;

Các Thẩm phán: Ông Điều Văn Hằng;

Ông Nguyễn Phan Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 677/2023/TLPT-HC ngày 22 tháng 9 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 433/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2024 giữa:

*** Người khởi kiện:** Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1950 và bà Đào Thị P, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Phùng Thị Phương T, sinh năm 1994; địa chỉ: Số A, ngõ A đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tăng Văn Q – Phó Chủ tịch. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Liên danh Công ty Trách nhiệm hữu hạn H – Công ty cổ phần T2.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T1 – Giám đốc.

Địa chỉ: Số B Đ, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông Trần Văn Đ, bà Đào Thị P thống nhất trình bày:

Gia đình ông, bà là chủ sử dụng hợp pháp diện tích 212m² đất trồng lúa thuộc thửa đất số 775, tờ bản đồ số 9, xã Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Quá trình sử dụng không có tranh chấp và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*sau đây viết tắt là GCNQSD đất*) mang tên ông, bà.

Ngày 07/9/2021, Ủy ban nhân dân (*sau đây viết tắt là UBND*) thành phố H ra Thông báo thu hồi đất số 289/TB-UBND để thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Q, thành phố H (*sau đây viết tắt là Dự án*). Theo thông báo thu hồi đất thì gia đình ông bà dự kiến bị thu hồi toàn bộ diện tích đất trên.

Ngày 19/01/2022, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 406/QĐ-UBND (*sau đây viết tắt là Quyết định số 406*) thu hồi 212m² đất trồng lúa của gia đình ông, bà; Quyết định số 480/QĐ-UBND (*sau đây viết tắt là Quyết định số 480*) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc diện thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Dự án. Theo đó, gia đình ông, bà được nhận bồi thường về đất và chính sách hỗ trợ là 73.490.000 đồng.

Không đồng ý với Quyết định số 406 của UBND thành phố H, ông, bà đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố H. Ngày 18/5/2022, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 2711/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu (*sau đây viết tắt là Quyết định số 2711*) với nội dung Giữ nguyên Quyết định số 406 của UBND thành phố H.

Ông, bà không có khiếu nại lần hai mà khởi kiện đến Tòa án đề nghị:

- Hủy Quyết định số 406 của UBND thành phố H về việc thu hồi đất;
- Hủy Quyết định số 480 của UBND thành phố H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc diện thu hồi đất để thực hiện Dự án;
- Hủy Quyết định số 2711 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Đào Thị P.

Căn cứ ông, bà đề nghị hủy như sau:

Thứ nhất, Quyết định số 406 của UBND thành phố H không ghi căn cứ, cụ thể lý do, mục đích của việc thu hồi đất được quy định tại theo Điều, Khoản nào của Luật Đất đai năm 2013. Như vậy, là sai phạm nghiêm trọng về căn cứ để ban hành quyết định hành chính theo quy định tại khoản 6 Mục II Phần I của Phụ lục I, Nghị định số 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư; Mẫu số 10 - Quyết định thu hồi đất ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ T3.

Thứ hai, tại Quyết định số 2711 về việc giải quyết khiếu nại, Chủ tịch UBND thành phố H khẳng định: “Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Q, thành phố H thuộc diện Nhà nước thu hồi đất nhằm mục đích để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, hình thành khu dân cư mới xã Q, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, phù hợp với quy hoạch chung của thành phố được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận thực hiện dự án” và căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013 để xác định đây là “Khu dân cư nông thôn mới”. Tuy nhiên, khi ông Đ và bà P tiếp cận, nghiên cứu hồ sơ của Dự án thì nhận thấy việc UBND thành phố H, UBND tỉnh H xác định đây là dự án thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013 là chưa đúng quy định của pháp luật.

Theo cách phân loại tại Phụ lục IX Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng thì “Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị” phải là những dự án hình thành từ một đơn vị ở trở lên hoặc có quy mô sử dụng đất từ 20 héc ta trở lên. Dự án khu dân cư mới xã Q được Hội đồng nhân dân tỉnh H phê duyệt tại Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 và được bổ sung tại Nghị quyết 28/NQ- HĐND ngày 24/12/2020 với quy mô là 9,97 héc ta (nhỏ hơn 20 héc ta) không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo điểm d khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013 mà Chủ đầu tư phải trực tiếp thỏa thuận với người dân có đất trong phạm vi thực hiện dự án theo Điều 73 Luật đất đai 2013. Bên cạnh đó, thời điểm Hội đồng nhân dân tỉnh H thông qua Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 thì xã Quyết Thắng vẫn thuộc địa giới của huyện T đến Nghị quyết số 788/NQ- UBND ngày 16/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xã Quyết Thắng mới được nhập vào thành phố H thì dự án xây dựng khu dân cư mới xã Q phải được điều chỉnh quy hoạch. Tuy nhiên, quá trình triển khai dự án bắt đầu từ năm 2020 và tại Nghị quyết 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 khi “Bổ sung diện tích dự án khu dân cư mới xã Q (tổng diện tích 9,97ha)” thì không có sự điều chỉnh dự án. Như vậy, dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Q, thành phố H không thuộc Điều 62 Luật đất đai 2013 để Nhà nước thu hồi đất và quyết định các chính sách bồi thường cho người dân mà thuộc Điều 73 Luật đất đai 2013 và Liên danh Công ty TNHH H1 - Công ty cổ phần T2 phải tự thỏa thuận với người dân có đất thông qua hình thức nhận chuyển quyền hoặc nhận góp vốn.

Người bị kiện là UBND thành phố H và Chủ tịch UBND thành phố H thông người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn cứ thực hiện Dự án: Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T3 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 2793/QĐ-UBND ngày 16/9/2020 của UBND tỉnh H về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới xã Q, thành phố H, tỷ lệ 1/500; Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư số 660/CTĐT-UBND ngày 01/3/2021 của UBND tỉnh H: Dự án đầu tư xây

dựng Khu dân cư mới xã Q, thành phố H; Quyết định số 4047/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh H về việc ủy quyền cho UBND cấp huyện, thị xã, thành phố quyết định thu hồi đất đối với trường hợp thuộc thẩm quyền UBND tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 870/QĐ-UBND ngày 17/3/2021 của UBND tỉnh H về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố H; Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của UBND tỉnh H về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố H; Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 và Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của UBND tỉnh H quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 2639/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh H về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất, giá đất nông nghiệp cụ thể làm cơ sở để tính tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB Dự án.

Như vậy, UBND thành phố và Chủ tịch UBND thành phố H đã ban hành Quyết định số 406; Quyết định số 480; Quyết định số 2711 là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ và bà P.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Liên danh Công ty TNHH H - Công ty cổ phần T2 trình bày:*

Ngày 01/3/2021, UBND tỉnh H ban hành Văn bản số 660/CTĐT-UBND về việc Chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án, theo đó tại Điều 2 quy định:

- Liên danh Công ty TNHH H - Công ty cổ phần T2: Ứng trước toàn bộ chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng cho đơn vị, tổ chức có chức năng theo quy định pháp luật về đất đai để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng khu đất thực hiện dự án.

- UBND thành phố H thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án để bàn giao quỹ đất sạch cho Nhà đầu tư thực hiện dự án theo đúng tiến độ.

Do đó, các Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, Quyết định giải quyết khiếu nại trong nội dung khởi kiện của ông Trần Văn Đ và bà Đào Thị P thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của UBND thành phố H trong công tác giải phóng mặt bằng, thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Dự án. Nhà đầu tư được chấp thuận theo Chấp thuận chủ trương đầu tư số 660/CTĐT-UBND ngày 01/3/2021 của UBND tỉnh H (là Liên danh H2) chỉ có trách nhiệm ứng tiền để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng của Dự án nêu trên theo quy định.

Liên danh HAPPYLAND - H đề nghị Tòa án thực hiện theo quy định của pháp luật để hộ gia đình ông Trần Văn Đ1, bà Đào Thị P chấp hành quy định của pháp luật, sớm bàn giao mặt bằng sạch cho Nhà đầu tư thực hiện dự án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2023/HC-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 195, Điều 204, khoản

1 Điều 206, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Căn cứ Điều 62, Điều 63, Điều 66, Điều 69 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai”; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ “Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất”; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ TN&MT ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Quyết định số 2793/QĐ-UBND ngày 16/9/2020 của UBND tỉnh H về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới xã Q, thành phố H, tỷ lệ 1/500; Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư số 660/CTĐT-UBND ngày 01/3/2021 của UBND tỉnh H: Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Q, thành phố H; Quyết định số 4047/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh H về việc ủy quyền cho UBND cấp huyện, thị xã, thành phố quyết định thu hồi đất đối với trường hợp thuộc thẩm quyền UBND tỉnh theo quy định tại khoản 3, Điều 66 Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Quyết định số 870/QĐ-UBND của UBND tỉnh H ngày 17/3/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố H; Quyết định số 325/QĐ-UBND của UBND tỉnh H ngày 26/01/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố H; Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014; Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của UBND tỉnh H quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 2639/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh H về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất, giá đất nông nghiệp cụ thể làm cơ sở để tính tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới, xã Q; Căn cứ Luật chính quyền địa phương năm 2015; Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”. Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Đ2 và bà Đào Thị P, gồm:

- Hủy Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố H về thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Q, thành phố H;

- Hủy Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc diện thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới mới xã Q, thành phố H.

- Hủy Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị P (lần đầu).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/7/2023, người khởi kiện là ông Trần Văn Đ, bà Đào Thị P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người khởi kiện vắng mặt nhưng có đơn thể hiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, đề nghị HĐXX phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ thì thấy Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Đ, bà Đào Thị P là đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ông Trần Văn Đ, bà Đào Thị P khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 406, Quyết định số 480 của UBND thành phố H; Quyết định số 2711 của Chủ tịch UBND thành phố H các quyết định hành chính bị kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 30 Luật tổ tụng hành chính 2015.

Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo về thời hiệu và điều kiện khởi kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính 2015.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người khởi kiện và đại diện người bị kiện vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Liên danh Công ty Trách nhiệm hữu hạn H – Công ty cổ phần T2 vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ 02 lần; căn cứ quy định tại Điều 225 Luật tổ tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy:

[2.1]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 406 và Quyết định số 480 của UBND thành phố H:

[2.1.1]. Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 406 và Quyết định số 480:

Dự án Khu dân cư mới xã Q, thành phố H được UBND tỉnh H phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 2793/QĐ-UBND ngày 16/9/2020; được Hội đồng nhân dân tỉnh H chấp thuận tại Nghị quyết số 09/NĐ-HĐND ngày 11/7/2019, Nghị quyết số 28/NĐ-HĐND ngày 28/12/2020, Nghị quyết số 25/NĐ-HĐND ngày 12/7/2022 và UBND tỉnh H có Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư số 660/CTĐT-UBND ngày 01/3/2021, Quyết định số 870/QĐ-UBND ngày 17/3/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố H; Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch sử

dụng đất năm 2022 của thành phố H. Do đó, Dự án Khu dân cư mới xã Q, thành phố H thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62, Điều 63 Luật đất đai năm 2013. Thẩm quyền thu hồi đất thuộc về UBND tỉnh H theo quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật đất đai.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật đất đai, Quyết định Số 4047/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh H về việc ủy quyền cho UBND cấp huyện, thị xã, thành phố quyết định thu hồi đất đối với trường hợp thuộc thẩm quyền UBND tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013; UBND thành phố H ban hành Quyết định số 406, Quyết định số 480 là đúng thẩm quyền.

[2.1.2]. Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 406 và Quyết định số 480:

Căn cứ Thông báo thu hồi đất số 289/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 của UBND thành phố H, Ban giải phóng mặt bằng thành phố H đã phối hợp với UBND, Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các ban ngành đoàn thể xã Q, Bí thư chi bộ, Trưởng thôn H, thôn Đ tổ chức cuộc họp phổ biến các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về Thông báo thu hồi đất, chủ trương thu hồi đất, chính sách, đơn giá bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, tổ chức phát tờ khai, hướng dẫn kê khai đối với 371 hộ dân, trong đó có 366 hộ dân có đất nông nghiệp được giao, 05 hộ dân thuê thâu đất công ích thuộc phạm vi thực hiện dự án; thực hiện niêm yết công khai Thông báo thu hồi đất theo quy định tại trụ sở UBND xã và khu dân cư.

Vào các ngày 17/9/2021, 28/9/2021 và 12/10/2021, Ban giải phóng mặt bằng thành phố H đã phối hợp với UBND xã Q, thôn H, thôn Đ mời các hộ có đất bị thu hồi kiểm kê theo quy định. Kết quả 365/366 hộ dân có đất nông nghiệp kiểm kê. Ban giải phóng mặt bằng đã tính toán phương án bồi thường trình Hội đồng thẩm định thành phố để thẩm định phương án bồi thường hỗ trợ.

Ngày 19/01/2022, UBND thành phố H đã ban hành Quyết định thu hồi đất số 406 thu hồi của hộ ông Đ là 212m² đất trồng lúa; ban hành Quyết định số 480/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình có đất bị thu hồi để thực hiện dự án. Các quyết định đều được thông báo và niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Như vậy, cùng ngày 19/01/2022, UBND thành phố H ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 16; Điều 67; Điều 69 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

[2.1.3]. Về nội dung Quyết định số 406 và Quyết định số 480:

Gia đình ông Trần Văn Đ, bà Đào Thị P là chủ sử dụng hợp pháp diện tích 212m² đất trồng lúa thuộc thửa đất số 775, tờ bản đồ số 9, xã Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương, quá trình sử dụng đất ổn định, lâu dài, không có tranh chấp và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp.

Diện tích đất nhà nước thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới xã Q là 99.690m² thuộc 416 thửa đất (gồm đất trồng lúa nước là 84.973,0m², đất nghĩa trang là 125m², đất trồng cây lâu năm là 2.732m², đất nuôi trồng thủy sản là 2.982m², đất giao thông là 3.791m², đất thủy lợi là 5.087m²) của 366 hộ gia đình có đất nông nghiệp và 50 thửa đất công điền do UBND xã Q quản lý (trong đó có 11 hộ gia đình thuê thầu để trồng cây lâu năm và nuôi trồng thủy sản). Do khu vực thu hồi đất để thực hiện dự án có cả đất công ích của UBND xã Q và đất của hộ gia đình, bao gồm nhiều loại đất khác nhau, nên phải được Hội đồng nhân dân tỉnh H chấp thuận cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được ban hành phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật đất đai. Mặt khác, theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật đất đai quy định: Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong các trường hợp sau đây: *“Thực hiện các dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất bao gồm: d) Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới....”*. Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư nông thôn mới xã Q có quy mô sử dụng đất nhỏ hơn 10ha nên thuộc thẩm quyền chấp thuận đầu tư của UBND tỉnh H. Dự án này được cơ quan có thẩm quyền xác định thuộc dự án do Nhà nước thu hồi đất để xây dựng khu đô thị mới với mục đích phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ lợi ích công cộng là có căn cứ nên giá đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ là giá đất cụ thể do UBND tỉnh quy định mà không phải là giá thỏa thuận giữa chủ đầu tư và người sử dụng đất. Do đó, Nhà nước có trách nhiệm thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ về đất và giao mặt bằng cho chủ đầu tư thực hiện dự án là phù hợp quy định pháp luật.

Theo Bảng tổng hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng kèm theo Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 thì hộ ông Đ có số thửa tự là 5, diện tích bị thu hồi theo hiện trạng là 212m², tổng số tiền bồi thường là 73.490.000 đồng, gồm bồi thường về đất là 212m² x 80.000đ/m² = 16.960.000 đồng; Hỗ trợ chuyển đổi nghề: 50.880.000 đồng; Hỗ trợ ổn định đời sống: 3.430.000 đồng; Bồi thường lúa chưa đến kỳ thu hoạch: 2.220.000 đồng là đúng theo quy định tại Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 và Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của UBND tỉnh H quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 2639/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh H về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất, giá đất nông nghiệp cụ thể làm cơ sở để tính tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án.

Như vậy, Quyết định số 406 và Quyết định số 480 được UBND thành phố H ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và phù hợp về nội dung nên, quan điểm của người khởi kiện cho rằng Dự án không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật đất đai năm 2013 mà thuộc trường hợp doanh nghiệp phải tự thỏa thuận với người có đất bị thu hồi theo quy định tại Điều 73 Luật đất đai năm 2013 là không có cơ sở chấp nhận. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 406, Quyết định số 480 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.2]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 2711 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Đào Thị P:

Quyết định số 2711 được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và hình thức theo quy định tại các Điều 18; Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại.

Về nội dung, như đã phân tích ở trên, Quyết định số 406 về việc thu hồi đất, Quyết định số 480 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ của UBND thành phố H là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, do đó Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố H với nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà Đào Thị P là đúng quy định pháp luật.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có cơ sở, được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Mặc dù kháng cáo không được chấp nhận nhưng ông Trần Văn Đ, bà Đào Thị P là người cao tuổi nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, HĐXX quyết định miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Trần Văn Đ, bà Đào Thị P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Trần Văn Đ, bà Đào Thị P; Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2023/HC-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

2. Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Trần Văn Đ, bà Đào Thị P.

3. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

- Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Tuyền